

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày 07/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Thành

Ông Tống Văn Tư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1954 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thái Hòa, xã M, tỉnh Đ.

(Trước kia là ấp Thái Hòa, xã A, huyện C, T).

Bị đơn: Bà **Trần Thị Nh**, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp An Lạc, xã M, tỉnh Đ.

(Trước kia ấp An Lạc, xã A, huyện C, tỉnh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đỗ Thị N trình bày: Do chỗ quen biết nên bà có cho bà Trần Thị Nh vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 20/5/2012 vay 15.000.000 đồng; Ngày 25/12/2012^{al} vay 10.000.000 đồng; Ngày 03/9/2020^{al} vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà cho bà Nh vay 35.000.000 đồng, khi vay bà Nh có viết biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất bằng miệng 2%/tháng, khi nào cần bà thông báo trước một tháng thì bà Nh sẽ trả đủ tiền, bà Nh đóng lãi đến cuối tháng 12/2020 thì ngưng, sau đó bà nhiều lần liên hệ đòi tiền nhưng bà Nh không trả.

Do đó, bà yêu cầu bà Nh trả 35.000.000 đồng và tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử, tạm tính tiền lãi là 29.120.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa bà N rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 07/8/2025 là 16.045.000 đồng.

Bị đơn bà Nh đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng từ chối nhận văn bản của Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N yêu cầu bà Nh trả 35.000.000 đồng tiền vay, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Lợi, tỉnh Đồng Tháp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Nh theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các biên nhận ngày 20/5/2012, ngày 25/12/2012^{al}, ngày 03/9/2020^{al} thì đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản, bà N xác định bà Nh ngưng đóng lãi từ cuối tháng 12/2020 nên quyền, lợi ích hợp pháp của bà N bị xâm phạm là từ cuối tháng 12/2020, đến ngày 07/5/2025 bà N mới khởi kiện thì đã trên 03 năm hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp về hợp đồng. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc”*, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử vẫn giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ nội dung các biên nhận ngày 20/5/2012, ngày 25/12/2012^{al}, ngày 03/9/2020^{al} thể hiện bà Nh có vay của bà N tổng cộng 35.000.000 đồng. Bà N xác định các biên nhận do bà Nh ký tên, bà Nh thì đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần chứng minh. Do đó, bà N yêu cầu bà Nh trả 35.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử, tạm tính là 29.120.000 đồng. Tại phiên tòa bà N rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu 0,83%/tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 07/8/2025 là 16.045.000 đồng. Đối với việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 đến 07/8/2025. Xét thấy, tại các giấy nhận nợ không thể hiện lãi suất và không có thời hạn trả nợ, nhưng bà N trình bày lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, khi nào cần bà thông báo trước một tháng thì bà Nh sẽ trả tiền. Do lãi suất các bên không thể hiện rõ ràng nay bà N có yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, từ cuối năm 2020 bà Nh không đóng lãi nữa nên bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 đến 07/8/2025 (ngày xét xử) là có cơ sở chấp nhận, cụ thể: $35.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 55 \text{ tháng} \times 07 \text{ ngày} = 16.045.000 \text{ đồng}$.

[5] Án phí: Bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điều 92, 147, 244, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 149, các điều 429 các điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Năm, về việc yêu cầu bà Trần Thị N trả 13.075.000đ (Mười ba triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Năm.

Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền gốc 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và 16.045.000đ (Mười sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 2.552.000đ (Hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị N là người cao tuổi được miễn đóng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đỗ Thị N.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt thì được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thảo Lan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Thành

Ông Tống Văn Tư

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 700/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Bích Ly**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp Hậu Thuận, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ các điều 92, 147, 244, 271, 273, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thông nhất 3/3 (100%).

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Năm, về việc yêu cầu bà Trần Thị N trả 13.075.370đ (Mười ba triệu, không trăm bảy mươi lăm, ba trăm bảy mươi đồng) tiền lãi.

Thông nhất 3/3 (100%).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Năm.

Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền gốc 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Thông nhất 3/3 (100%).

3. Án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 2.550.000đ (Hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị N là người cao tuổi được miễn đóng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đỗ Thị Năm.

Thông nhất 3/3 (100%).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt thì được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thông nhất 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ phút, ngày 07 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA